

HOÀNG TUẤN

LÝ THUYẾT

TUÔNG SỐ

Ứng dụng KINH DỊCH
và Nguyên lý Toán nhị phân



- * Phép tính số Hà Lạc
- * Phương pháp lý giải lá số Hà lạc
- * Dự báo Hà lạc
- * 64 quẻ trùng quái
- * Phép tính số Tử vi



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHÉP
TÍNH SỐ HÀ LẠC
(CÒN GỌI LÀ TÁM CHỮ HÀ LẠC)

LỜI MỞ ĐẦU

Một ứng dụng quan trọng của Dịch vốn được lưu hành rộng rãi trong dân gian xưa, đó là môn tính số Hà Lạc, để đoán vận con người. Đây là một phương pháp xác xuất cổ được nghiên cứu rất công phu dựa trên lý thuyết "Tượng Số" của Dịch học. Cổ nhân tin rằng, con người cũng như vạn vật đều phải tuân theo những quy luật biến dịch chung của Vũ Trụ, giống như các con số. Vì vậy có thể tìm hiểu vận mệnh đời người thông qua "Tượng Nhị Phân" của các con số. Còn các con số tuy sinh ra vô vàn nhưng về cơ bản chỉ có 10 số đếm mà thôi (gồm 5 số sinh và 5 số thành) mà chúng ta đã khảo sát trong bảng Hà Đồ. Khi các con số biến chuyển để tạo ra cái "Dụng" của chúng, thì chúng tuân theo quy luật của "Lạc Thư". Các con số, dù có sinh ra bao nhiêu, cũng không thoát khỏi bốn phương tám hướng của không gian, cũng như không thể ra ngoài vòng Không Thời Gian của các chu trình Giáp Tý- Quý Hợi.

Chúng ta đã biết, Thiên văn học ngày nay cũng như thời xưa- từ hàng ngàn năm trước- con người đã biết một năm thời tiết có độ dài là 365,25 ngày. Một đại chu kỳ 60 năm thời tiết có 21.914,5 ngày. Theo âm-dương lịch, mỗi ngày chia ra làm 12 giờ (1 giờ âm lịch bằng 2 giờ dương lịch). Trong 60 năm của một vòng Giáp Tý có tất cả là $(21.914,5 \times 12) = 262.974$ giờ. Mỗi giờ là một vị trí trong "Không-Thời Gian" của 60 năm. Như vậy là một người sinh vào giờ nào, ngày nào, tháng nào, năm nào là đã có một vị trí nhất định trong không gian và trong chuỗi thời gian

21.914,5 ngày hay 262.974 giờ của vòng 60 năm đó. Con người thông qua nghiên cứu các con số, có thể định vị được "Hệ Tọa Độ" Không-Thời Gian của bản thân mình bằng phương pháp tính "số" Hà Lạc theo Hệ Can Chi, đại diện cho ngày sinh tháng đẻ của mình. Người khai sinh ra phương pháp này là nhà toán học kiêm triết gia Trần Đoàn. Ông sinh vào cuối đời Đường (618-906) nổi tiếng về tinh thông Dịch lý. Ông dùng 4 mốc lớn về thời gian của mỗi người khi được sinh ra, đã được Can Chi hóa thành 4 cặp gồm 8 chữ để tính toán, định vị con người cùng tính cách và số phận của họ trong Không-Thời Gian:

1- Năm sinh; 2- Tháng sinh; 3- Ngày sinh; 4- Giờ sinh.

Can Chi đã có vị trí nhất định trong bảng Hà Đồ và Lạc Thư, vì vậy mà có thể định vị chúng trong Hệ Tọa Độ "Không-Thời Gian". Cho nên người ta gọi phương pháp định vị 8 chữ Can Chi của mỗi người là phương pháp "Bát Tự Hà Lạc" (có nghĩa là: tám chữ có vị trí trong Hà Đồ và Lạc Thư). Ví dụ một người được sinh ra vào đúng nửa đêm ngày mồng 10 tháng ba năm 2000. Ta phải đổi ngày giờ đó ra lịch theo Can Chi. Tra trong Lịch Vạn niên, ta dễ dàng biết năm 2000 là năm Canh Thìn, tháng ba dương là tháng Hai năm Canh Thìn tức tháng Kỷ Mão; ngày mồng 10 dương là ngày mồng 5 âm, tức ngày Đinh Mão; nửa đêm ngày Đinh Mão thuộc giờ Canh Tý. Kết quả ta có tám chữ Can Chi là:

+ Giờ Canh Tý

+ Ngày Đinh Mão

+ Tháng Kỷ Mão

+ Năm Canh Thìn.

Muốn sử dụng được tám chữ đó để dự đoán số Hà Lạc, ta phải thuộc những quy ước về "hoạt hóa" Hệ Can Chi theo Dịch cũng như sự định vị chúng qua bảng Hà Đồ và Lạc Thư.

Phương pháp lấy số Tử Vi sau này cũng dựa theo sự "định

vị" về không gian và thời gian như trên để tính ra các lá số khác nhau. Trong Tử Vi thì số giờ trong 60 năm được nhân đôi để phù hợp với sự phân cực "âm dương" của các lá số. Kết quả ta có $262.874 \times 2 = 525.948$ giờ (tương ứng với từng ấy lá số). Các lá số đó là để biểu hiện những tính chất khác nhau của các Hệ Toạ Độ Không-Thời Gian tính theo giờ. Người xưa cho rằng, con người sinh ra ở hệ Toạ Độ nào thì phải chịu sự chi phối bởi những tính chất đặc trưng của Hệ Toạ Độ đó. Chính những tính chất của Hệ Toạ Độ quyết định cả "thể chất" lẫn "khí chất" căn bản của mỗi người. Khoa Hà Lạc thì tìm những tính chất đặc trưng cho từng Hệ Toạ Độ qua các quẻ Dịch, rồi giải đoán quẻ bằng "Tượng Số" và "Lý Số", còn Khoa Tử Vi thì quy những tính chất của các Hệ Toạ Độ vào 108 yếu tố cơ bản, gọi là "Tinh" (ngôn ngữ thông thường dịch chữ Tinh là "sao", thành 108 sao Tử Vi), cùng mối tương tác "tương sinh, tương phản" của chúng, tạo thành những "Thế" khác nhau của vận mệnh con người. Cho nên có thể nói rằng, tám chữ Hà Lạc hay số Tử Vi là những phương pháp phân loại con người theo vị trí Không-Thời Gian của người xưa. Đúng hay sai thì đây cũng là một công trình nghiên cứu đồ sộ của các học giả xưa để lại trong kho tàng văn hoá cổ, rất kỳ lạ và đầy trí tuệ, có sức hấp dẫn rất lớn. Nếu coi đó là một môn phân loại nhân học cổ thì rất đáng cho chúng ta bỏ thì giờ tìm hiểu lại, vì chưa có một công trình nào trên thế giới lại đi sâu vào tính cách và số phận con người như môn "số Hà Lạc" và "số Tử Vi" - những môn ứng dụng của Dịch cổ. Nó khác với các công trình khoa học hiện đại là không chia cắt mỗi vấn đề ra thành nhiều mẫu riêng biệt để đi sâu nghiên cứu từng chi tiết cụ thể và dựa trên thực nghiệm để chứng minh. Ở đây, là một công trình có tính tổng hợp về con người bao gồm nhân tướng học, cơ thể học, tâm lý học, xã hội học về con người. Chúng đi rất sâu vào tính chất, khí chất lẫn những điều kiện không- thời gian mà cá nhân đó sống để biết những quy luật vận động về cuộc đời và vận mệnh của mỗi cá thể. Nó dựa trên "Tượng Số" nhị phân để xuất ý, đề cao phương pháp

nhận thức "lý trí" thông qua trực giác và kinh nghiệm. Như vậy phương pháp nghiên cứu khoa học hiện đại và khoa nhân học cổ trái ngược nhau. Không thể đơn thuần coi phương pháp nào là đúng hẳn và phương pháp nào là sai hoàn toàn. Chúng là hai phương pháp đối xứng nhau, làm âm dương cho nhau, bổ sung cho nhau. Chúng "tương phản" nhưng "bất khả tương vô" như tư tưởng của Dịch cổ, rất thực tế và cũng rất trừu tượng.

Có người đặt câu hỏi: "Có hàng tỷ người trên trái đất, vận mệnh của mỗi người một khác, mà lại chỉ bao gồm trong 64 quẻ Dịch hay nhiều lắm là trong nửa triệu lá số Tử Vi, như vậy thì sẽ có hàng triệu người cùng chung một lá số và số phận họ sẽ giống hệt nhau? Điều đó khó có thể chấp nhận? Để trả lời câu hỏi đó, ta cần nêu ra một câu hỏi khác mà ai cũng nhận thấy là đúng: "Tại sao cũng có hàng tỷ người mà người ta lại chỉ phân ra làm hai loại là đàn ông và đàn bà nhưng lại tuyệt đối đúng? Lẽ nào số phận của một nửa số đàn ông hay một nửa số đàn bà trên toàn cầu lại giống hệt nhau! Hai loại đó đúng về mặt giới tính, nhưng không phải ai cùng giới là giống y hệt nhau. Rõ ràng đã quan niệm là một môn "phân loại học" thì nó có tiêu chí của việc phân loại. Tiêu chí ở đây là dựa theo hệ "Toạ độ Không-Thời Gian" của từng "giờ, ngày, tháng, năm sinh" và những tính chất đặc trưng của Vũ Trụ (Trời Đất) đối với từng vị trí đi, mà người xưa gọi là "sao" tạo thành. Vậy những "sao" này là do chủ quan của con người bày đặt ra hay có thực? Như trên ta đã đề cập đến, "sao" chỉ là danh từ chỉ những tính chất của vị trí đó, mà những tính chất này là hệ quả của sự hoạt hóa Hệ Can Chi theo Dịch lý tạo thành, cụ thể là theo "Âm Dương- Ngũ Hành". Việc chia ra tới trên nửa triệu trường hợp là đã quá lớn, nhưng nó rất hợp lý vì cùng dựa trên sự định vị theo giờ sinh, nghĩa là những người sinh cùng một ngày, giờ, tháng, năm đều có chung một vị trí "Không - Thời Gian". Tuy có nhiều người cùng nhóm nhưng tuyệt đối họ không giống và không thể giống nhau hoàn toàn, vì tương tác của các mối quan hệ cụ thể và chi tiết giữa từng cá thể là vô

cùng. Cũng như khi phân loại con người ở mức chi tiết hơn đôi chút, cổ nhân đã chia ra bốn loại là "Nam, Phụ, Lão, Ấu" (tức: Trai, Gái, Già, Trẻ), cũng gần như tuyệt đối đúng, vì không thể nhầm người già và trẻ con, đàn ông và đàn bà. Hàng tỷ người trên trái đất hiện nay cũng không thể đứng ngoài bốn loại người trên. Tuy nhiên không thể nói mọi người già đều giống nhau; cũng như mọi trẻ con hay mọi phụ nữ đều giống nhau. Đó chỉ là sự phân loại theo giới tính và tuổi tác. Chi tiết thêm một bước, nếu chỉ dựa theo tuổi tác đơn thuần, người ta lại có thể phân con người ra làm nhiều loại: tuổi sơ sinh, tuổi nhi đồng, tuổi thiếu niên, tuổi thanh niên, tuổi trung niên, tuổi già và tuổi đại lão (7 loại), và cũng rất đúng. Còn Tử Vi và Hà Lạc cũng chỉ là hai môn "phân loại nhân học" cổ, nhưng rất chi tiết vì phân ra tới hàng chục vạn loại người. Vì vậy xác suất giống nhau ở những người cùng loại là rất lớn, nhưng cũng không thể giống nhau hoàn toàn từng chi tiết trong đời sống cá thể, vì dù chi tiết đến mấy thì đây cũng chỉ là những phương pháp "phân loại" nhân học cổ nhằm dự báo những khả năng có thể xảy ra đối với cuộc sống của từng loại người trong cùng một nhóm.

Chính vì vậy, việc xem xét để dự đoán được tính cách và khí chất con người một cách chính xác là rất khó khăn. Ngay Khổng Minh thời xưa, một người nổi tiếng về cách dùng người và tinh thông Dịch lý, đã đoán trước tướng Ngụy Diên sẽ làm phản sau này và đã có kế hoạch đối phó vạch sẵn từ hàng chục năm trước, cũng đã phải viết: *"tính người rất khó hiểu, dung mạo thì bất nhất, hành động thì trăm ngàn lối khác nhau, khó lường... Kẻ trông hiền lành nhu thuận mà vô đạo; kẻ bề ngoài trông cung kính mà trong lòng trí trá vô lễ; kẻ trông hùng dũng nhưng lại nhát gan; kẻ có vẻ tận tụy nhưng lại bất trung..."*. Ông đã tìm ra bảy cách phối hợp để tìm hiểu người như sau:

- 1) Đem điều phải, lẽ trái hỏi họ để tìm hiểu chí hướng của họ.

- 2) Dem lý luận đôn họ vào thế bí để biết phản ứng đúng sai.
- 3) Lấy mưu trí thử họ để dò biết kiến thức.
- 4) Cho họ biết những khó khăn để dò xét đức dưng.
- 5) Đưa họ vào lợi lộc để biết mức độ liêm chính.
- 6) Hẹn công việc với họ để đo lường chữ tín.
- 7) Cho họ uống rượu say để dò tâm tính .

Như thế là Khổng Minh đã coi trọng cái "Tâm Tướng" hơn là cái "Ngoại Tướng". Trông hình tướng bên ngoài thì khó chính xác, nếu không nói là nhiều khi trái ngược và sai lầm. Thiết tưởng thời nay, khó có thể đưa ra một phương pháp tổng hợp nào hơn phương pháp của Khổng Minh xưa. Mô tả vận mệnh con người một cách cụ thể như giải một bài toán có đáp số rành mạch là không thể được.

Số Hà Lạc chỉ cho một cái hướng và có những nét lớn trong cuộc đời mỗi người, như: Thiên thời và Địa cuộc có thuận lợi hay khó khăn đối với người đó, tính cách và khả năng ứng xử liên quan đến Tiên Vận, Hậu vận ra sao. Những Đại Vận và Tiểu Vận có những khả năng gì có thể xảy ra cùng lời khuyên về cách ứng xử. Còn những sự việc cụ thể của mỗi người thì phải do chính người đó, căn cứ vào những hướng mà quẻ đã cho, để tự tìm hiểu lấy. Để diễn tả những tình huống của vận mệnh con người nhiều khi lời nói thông thường không diễn tả nổi, hoặc phải viết quá dài mà chưa chắc người đọc đã có thể tiếp thu đúng đắn. Nhận thức được giới hạn về khả năng truyền cảm của ngôn ngữ- nhất là ngôn ngữ cổ- nên trong môn Hà Lạc và Tử Vi người xưa rất hay dùng những cụm từ mang tính "biểu tượng" để miêu tả những tình huống khác nhau, với thâm ý của cổ nhân là để người đọc có thể thông qua biểu tượng của cụm từ mà lĩnh hội được cái "thần" của ngôn ngữ muốn mô tả. Chúng vừa tốn ít lời giải thích lại vừa có thể nói được những cái không thể nói hết bằng lời. Chúng là những cụm từ "*ý tại ngôn ngoại*" của cổ nhân.

Ví dụ các cụm từ sau đây: "*hàn thuyền tại liễu*" để miêu tả số phận một người khôn khổ tuyệt vọng, giống như "*con ve sầu bị rét lại đậu trên cành liễu*", để miêu tả thân phận một con người đời rét không có nơi nào vững chắc để nương tựa. Hay cụm từ: "*Vân đầu vọng nguyệt*" (*chờ trăng ra khỏi đám mây*), để chỉ con người hay mơ tưởng hảo huyền, tuy có chút ít hy vọng, nhưng chẳng biết bao giờ vận may mới đến; hoặc cụm từ "*Y cần kỳ ngư*" (*áo gấm cưới trâu*), để chỉ thái độ giả dối của con người, muốn che mắt vụng về người xung quanh, vì rằng người đã có áo gấm để mặc thì phải cưới ngựa, không ai cưới trâu; hay cụm từ "*Ngọc thụ lâm phong*" (*cây ngọc gặp gió*), để chỉ tình cảnh một người đàn bà quyền quý gặp nạn v.v... Trong ngôn ngữ Việt Nam cũng có rất nhiều cụm từ ngắn gọn để chỉ những tình huống tâm lý phức tạp hay những hậu quả lâu dài về sau mà muốn mọi người hiểu thì phải giải thích dài dòng, ví dụ các câu: "*áo gấm đi đêm*" để chỉ sự nghèo khổ giả dối; "*ai biết ma ăn vụng*" để chỉ những việc làm mờ ám trong bóng tối; hay những câu: "*thằng còng làm cho thằng ngay ăn*", "*lắm sãi không ai đóng cửa chùa*", "*đời cha ăn mặn, đời con khát nước*" v.v... Nhiều câu kiểu ấy đã trở thành tục ngữ, phương ngôn. Trong môn Tử Vi và Hà Lạc những cụm từ ngắn gọn và "biểu cảm" được dùng để miêu tả vận mệnh con người, bản thân người xem quẻ phải tự hiểu và phán đoán lấy. Cách xem xét của Tử Vi Hà Lạc cho thấy Vận Mệnh con người do tính cách và khí chất của họ tương tác với ngoại cảnh (Thiên thời và Địa cuộc) tạo thành.

(còn tiếp)